



DHA CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017 **ANNUAL REPORT**



ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2018

MỤC LỤC

1. THÔNG TIN CÔNG TY	1
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển	2
1.2. Ngành nghề kinh doanh:.....	3
1.3. Các sản phẩm của Công ty:.....	3
1.4. Quá trình thay đổi vốn điều lệ.....	4
1.5. Mô hình quản trị công ty:	6
1.6. Cơ cấu bộ máy quản lý:	6
1.7. Sơ đồ tổ chức và nhân sự lãnh đạo, điều hành.	7
1.8. Các chi nhánh của công ty:.....	11
1.9. Thông tin cổ đông và giao dịch của người nội bộ Công ty	12
2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017	13
2.1. Đánh giá tình hình chung	13
2.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của công ty	14
2.3. Đánh giá công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc:.....	14
2.4. Mục tiêu thực hiện trong năm 2018.	15
3. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	16
3.1. Báo cáo tình hình tài chính và sản xuất kinh doanh.....	16
3.2. Tình hình tại các mỏ đá hiện hữu:	18
3.3. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2018.....	19
3.4. Đánh giá tình hình thị trường và biện pháp thực hiện những mục tiêu	20
4. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT	21
4.1. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát:.....	21
4.2. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.....	21
4.3. Việc thẩm định báo cáo tài chính năm 2017.	22
4.4. Kết luận và kiến nghị.....	23
5. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN.....	25
6. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	27
7. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	29
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.....	29
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	32
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ.....	33
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	35

1. THÔNG TIN CÔNG TY**TÊN GIAO DỊCH** tiếng Việt**CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

Tên tiếng Anh:

HOA AN JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt:

H.A.J.S.C

Địa chỉ:

Ấp Cầu Hang, xã Hoá An, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

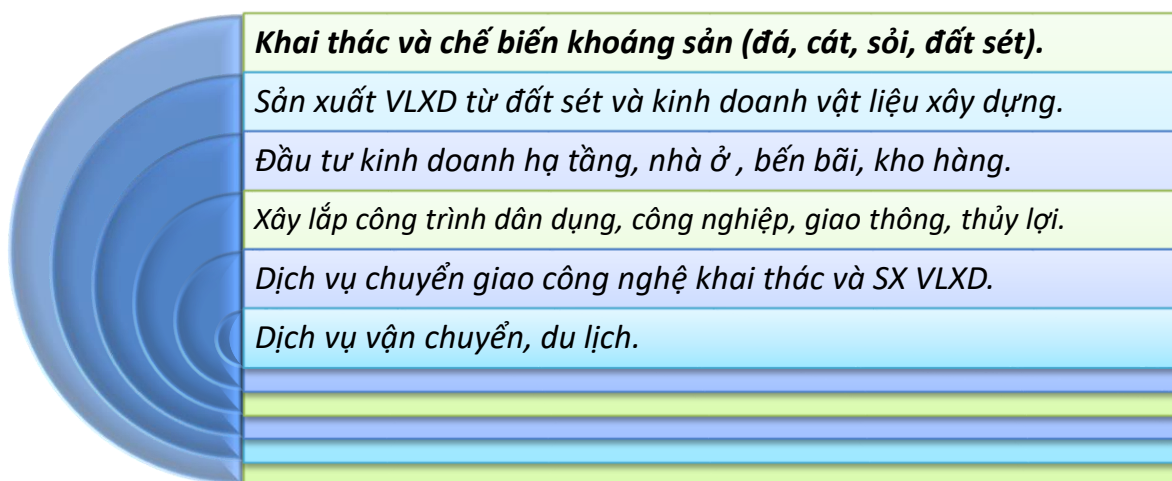
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600464464 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần thứ 9 ngày 19/11/2015.

Vốn điều lệ:**151.199.460.000 VNĐ****Vốn chủ sở hữu đến ngày 31/12/2017:****357.783.172.515 VNĐ****Số điện thoại:****0251.3954491****Fax:****0251.3954754****Website:*****www.hoan.com.vn*****Email:*****info@hoan.com.vn*****Mã cổ phiếu:****DHA****Sàn giao dịch:****HOSE – Sở Giao dịch chứng khoán TP. HCM**

1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

01/09/1980	Tách thành Xí nghiệp đá Hóa An, Công suất thiết kế ban đầu 50.000 m ³ đá các loại.
11/08/1984	Nâng sản lượng khai thác lên 200.000 m ³ /năm.
12/11/1994	Nâng công suất khai thác từ 200.000 m ³ /năm thành 500.000 m ³ /năm.
27/03/1995	Đổi tên thành Công ty khai thác đá và vật liệu xây dựng Hóa An, trực thuộc Tổng Công ty xây dựng số 1
1998	Thành lập thêm Xí nghiệp 2 khai thác đá tại xã Suối Trầu, Huyện Long Thành, Tỉnh Đồng Nai, mỏ có trữ lượng 5,5 triệu m ³ và có khả năng khai thác 200.000 m ³ /năm.
1999	Công ty nhận chuyển nhượng lại quyền khai thác mỏ Núi Gió, Tỉnh Bình Phước, có công suất khai thác tối đa 250.000 m ³ /năm.
01/2001	UBND Tỉnh Đồng Nai cấp phép cho Công ty nâng công suất khai thác lên 1.000.000 tấn/năm tại mỏ Đá Hóa An tới năm 2010.
18/4/2000	Chuyển thành công ty cổ phần với vốn điều lệ 25 tỷ đồng, là một trong những doanh nghiệp đầu tiên của Bộ xây dựng tiến hành cổ phần hóa toàn bộ Công ty
15/04/2004	Cổ phiếu Công ty (DHA) chính thức giao dịch tại Sở GDCK TP.HCM. Vốn điều lệ là 38,5 tỷ đồng.
2006	Sản lượng sản xuất công nghiệp của Công ty đạt 1.230.000 m ³ , tổng doanh thu đạt 83,9 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 22,6 tỷ đồng.
10/9/2007	UBCKNN chấp thuận phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn lên thành 100.996.700.000 VND.
2008	Được Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai tặng bằng khen và được chủ tịch nước tặng Huân chương lao động hạng nhất.
2009	Bộ Xây dựng tặng cờ Đơn vị thi đua xuất sắc ngành xây dựng. Công đoàn xây dựng Việt Nam tặng cờ Đơn vị hoạt động công đoàn xuất sắc.
2010	Bộ Xây dựng tặng cờ Đơn vị thi đua xuất sắc ngành xây dựng. Công đoàn xây dựng Việt Nam tặng cờ Đơn vị hoạt động công đoàn xuất sắc. Đơn vị có Báo cáo thường niên tốt nhất tại cuộc bình chọn BCTN năm. UBCKNN chấp thuận phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn lên thành 151.199.460.000 VND.
2011	Năm 2005 triển khai đền bù giải phóng mặt bằng dự án mỏ đá Núi Gió, xã Tân Lợi huyện Hớn Quản tỉnh Bình Phước, chính thức đi vào hoạt động khai thác sản xuất tháng 01 năm 2011.
2011	Năm 2009 triển khai đầu tư dự án mỏ đá Tân Cang 3, chính thức đi vào hoạt động khai thác sản xuất tháng 3 năm 2011.
2011	Năm 2008 triển khai đầu tư dự án mỏ đá Thạnh Phú 2, chính thức đi vào hoạt động khai thác sản xuất tháng 10 năm 2011.
2017	Bộ Xây dựng tặng cờ Đơn vị thi đua xuất sắc ngành xây dựng.

1.2. Ngành nghề kinh doanh:



1.3. Các sản phẩm của Công ty:

Đá nguyên khai từ các mỏ đá của Công ty được khai thác và chế biến thành các quy cách sản phẩm tiêu biểu như sau:

Quy cách sản phẩm	Công dụng	Hình ảnh sản phẩm
Đá 1x1, 1x2	Trộn bê tông xây nhà, cầu cống, đường ...	
Đá 0x3; 0x4, 4x6, 5x7, v.v...	Đúc móng, lót nền, lót đường...	
Đá mi, đá bụi (sản phẩm phụ trong quá trình SX đá qui cách)	Đổ bê tông mịn, lát mặt đường, trộn bê tông nhựa nóng, san lấp mặt bằng, làm gạch block...	



Ngoài các sản phẩm cơ bản trên: đối với khách hàng có nhu cầu các quy cách đặc biệt khác công ty sẽ sản xuất theo yêu cầu của khách hàng.

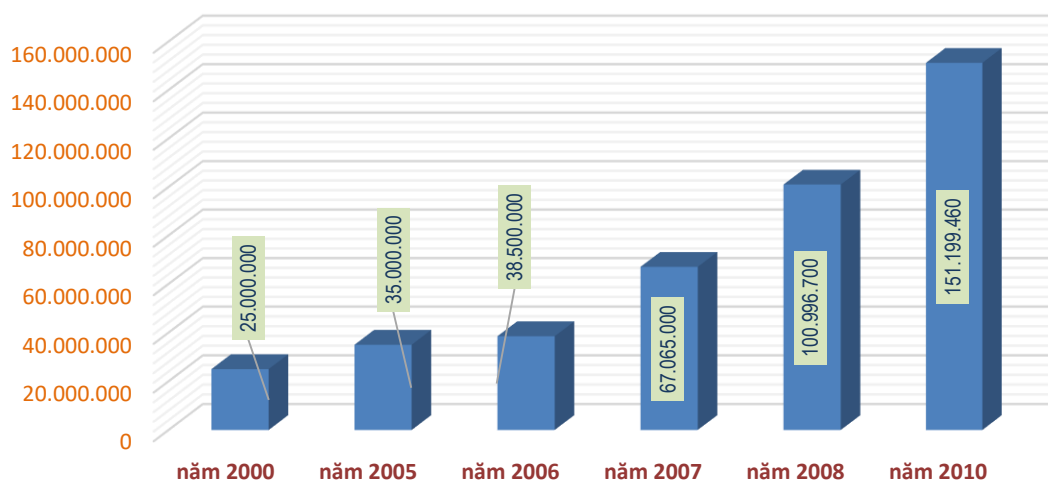
Các sản phẩm đá mi và đá bụi là thứ phẩm đi kèm theo trong quá trình chế biến (nghiền) đá nguyên khai ra các quy cách 1x1; 1x2. Tỷ lệ sản phẩm phụ chiếm khoảng từ 25% -30%.

1.4. Quá trình thay đổi vốn điều lệ

Đvt: đồng

Thời điểm tăng	Hình thức tăng vốn	Số vốn tăng thêm	VĐL sau khi tăng
2000	Vốn điều lệ ban đầu		25.000.000.000
2005	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	10.000.000.000	35.000.000.000
2006	Phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu	3.500.000.000	38.500.000.000
2007	Phát hành thêm và chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	28.565.000.000	67.065.000.000
2008	Phát hành thêm và chia cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	33.931.700.000	100.996.700.000
2010	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	50.202.760.000	151.199.460.000

Quá trình tăng Vốn điều lệ



Mục tiêu và định hướng phát triển

a. Mục tiêu

- Cung cấp các sản phẩm đạt qui chuẩn, chất lượng tốt, giá cả hợp lý. Đa dạng hóa sản phẩm, củng cố năng lực kỹ thuật, công nghệ để đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng.
- Phát triển toàn diện về tài chính, nguồn nhân lực, công nghệ sản xuất tiên tiến, bảo vệ môi trường, nâng cao mức sống và chế độ đãi ngộ đối với người lao động.
- Chia sẻ thành quả vật chất và tinh thần với cộng đồng và xã hội. Góp phần tạo nên sự gắn kết và nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng, mang lại sự phồn vinh cùng đất nước, phần đầu là một công ty luôn có trách nhiệm về mặt xã hội và môi trường.



b. Định hướng chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Xây dựng và phát triển thương hiệu là một doanh nghiệp khai thác và sản xuất đá xây dựng chất lượng hàng đầu tại khu vực phía Nam.
- Xây dựng cơ cấu kinh tế công ty bền vững xoay quanh lĩnh vực: khai thác và sản xuất đá xây dựng, nghiên cứu lĩnh vực bất động sản, cơ sở hạ tầng.
- Mở rộng đầu tư tăng thị phần tương ứng, củng cố và nâng cao chất lượng quản trị, vận hành, sẵn sàng nguồn lực cho mục tiêu tăng trưởng bền vững.
- Tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận một cách bền vững. Với mục tiêu lợi nhuận toàn công ty tăng trưởng hàng năm.
- Tối đa hóa năng lực và hiệu quả sản xuất. Mở rộng hợp tác đầu tư, định hướng phát triển đa ngành nghề với qui mô ngày càng lớn mạnh.



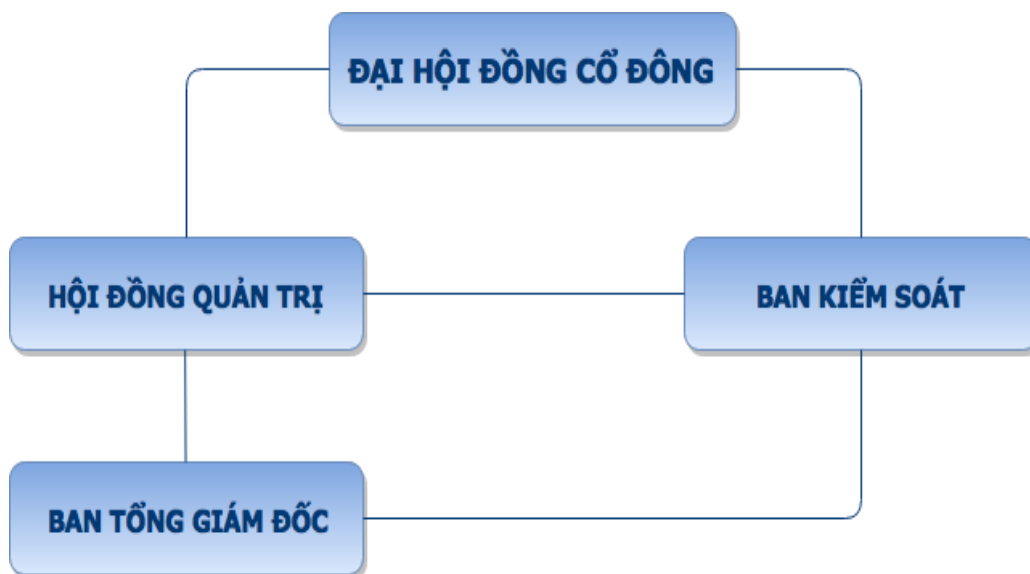
c. Các rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh

Rủi ro về kinh tế : Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ phát triển của các ngành công nghiệp xây dựng, khai thác và chế biến các sản phẩm từ khoáng sản. Kinh tế phát triển, tổng cầu tăng sẽ thúc đẩy nhu cầu cho xây dựng và sử dụng các chế phẩm này thuận lợi hơn. Ngược lại, nền kinh tế chậm phát triển sẽ kéo theo sự sụt giảm về nhu cầu của các sản phẩm này.

Rủi ro về chính sách pháp luật: Khoáng sản là ngành tạo ra lợi nhuận tốt, nhưng việc khai thác khoáng sản thường ảnh hưởng đến lợi ích của quốc gia. Vì vậy, luật pháp có những quy định rất chặt chẽ về lĩnh vực này. Mọi sự thay đổi chính sách, dù lớn hay nhỏ đều luôn gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động của các doanh nghiệp trong ngành.

1.5. Mô hình quản trị công ty:

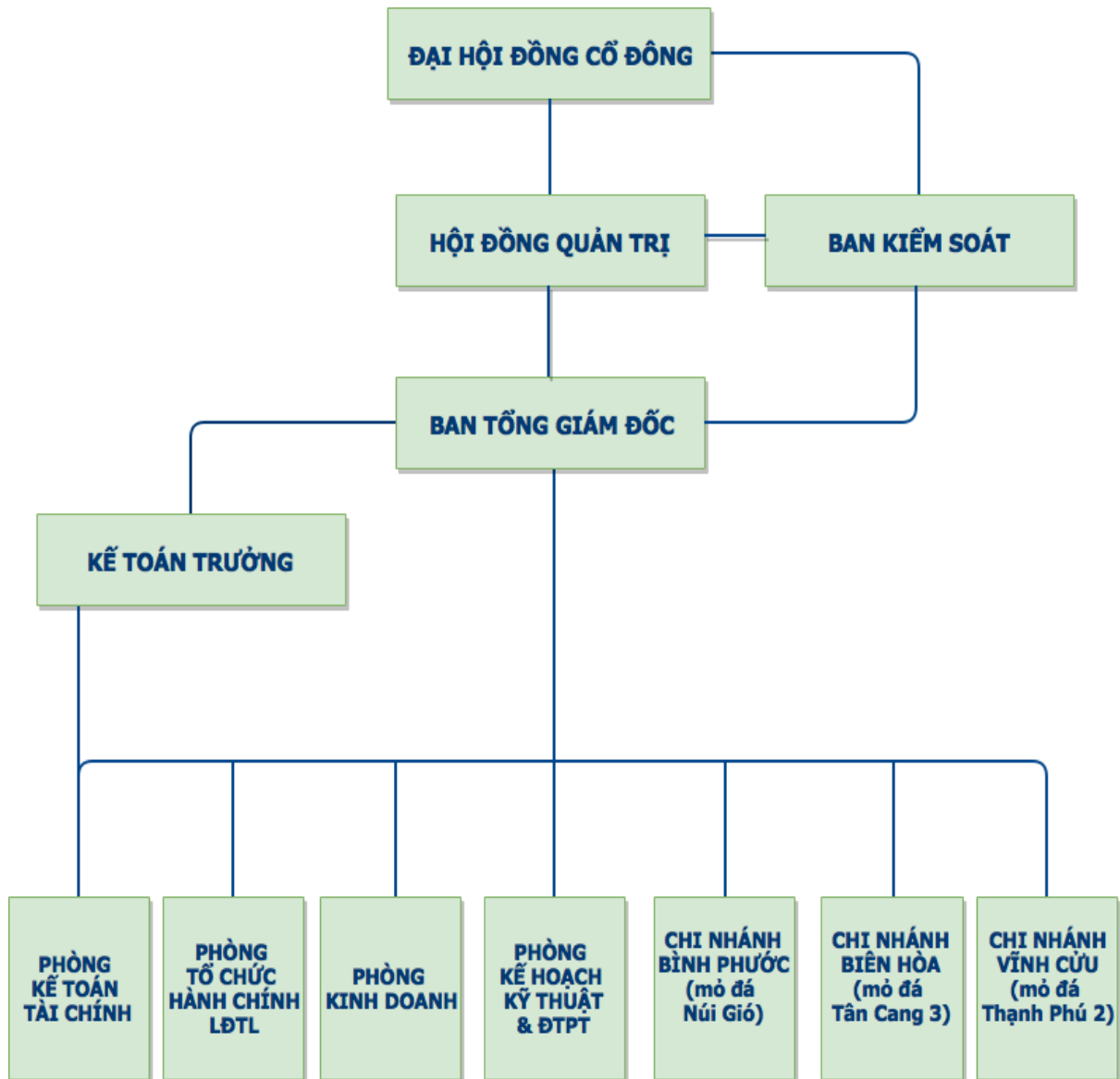
Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc.



1.6. Cơ cấu bộ máy quản lý:

Bộ máy quản lý công ty gồm : Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc các Chi nhánh công ty, Trưởng các Phòng, Ban chức năng.



1.7. Sơ đồ tổ chức và nhân sự lãnh đạo, điều hành.**a. Sơ đồ tổ chức**

*b. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành công ty***HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1	Ông Đinh Lê Chiến	Chủ Tịch Hội đồng quản trị
	Năm sinh	1965
	Trình độ văn hóa	12/12
	Trình độ chuyên môn	Cử nhân quan hệ quốc tế
	Số lượng cổ phần	595.206 CP (3,94%)
	Ngày tái cử	23/04/2017
2	Ông Trịnh Tiến Bày	Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc
	Năm sinh	1972
	Trình độ văn hóa	12/12
	Trình độ chuyên môn	Th.s Quản trị kinh doanh; Kỹ sư cơ khí TL.
	Số lượng cổ phần	60.000 CP (0,39%)
	SLCP đại diện vốn NN	1.490.000 CP (9,86%)
	Ngày tái cử	23/04/2017
3	Ông Nguyễn Văn Lương	Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
	Năm sinh	1977
	Trình độ văn hóa	12/12
	Trình độ chuyên môn	Th.s kinh tế, cử nhân quản trị kinh doanh
	Số lượng cổ phần	162.440 CP (1,07%)
	SLCP đại diện vốn NN	2.268.343 CP (15%).
	Ngày tái cử	23/04/2017
4	Ông Nguyễn Xuân Thành	Thành viên HĐQT
	Năm sinh	1970
	Trình độ văn hóa	12/12
	Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế, Kỹ sư xây dựng
	Số lượng cổ phần	0 CP (0,0%)
	Ngày tái cử	23/04/2017
5	Bà Võ Thị Cẩm Hương	Thành viên HĐQT
	Năm sinh	1987
	Trình độ văn hóa	12/12
	Trình độ chuyên môn	Cử nhân thương mại
	Số lượng cổ phần	52.860 CP (0,35%)
	Ngày trúng cử	23/04/2017

Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm trong năm 2017:

1	Bà Ngô Thị Việt Hoa	Thành viên HĐQT
	Năm sinh	1961
	Trình độ văn hóa	10/10
	Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính kế toán
	Số lượng cổ phần	0 CP (0,0%)
	Ngày miễn nhiệm	17/01/2017
2	Bà Lê Thị Quyết	Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng
	Năm sinh	1962
	Trình độ văn hóa	12/12
	Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính kế toán
	Số lượng cổ phần	23.590 CP (0,17%)
	Ngày miễn nhiệm	23/04/2017

BAN KIỂM SOÁT

1	Ông Đặng Xuân Long	Trưởng Ban kiểm soát
	Năm sinh	1976
	Trình độ văn hóa	12/12
	Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính kế toán
	Số lượng cổ phần	0 CP (0,0%)
	Ngày tái cử	23/04/2017
2	Ông Trần Quốc Trung	Thành viên Ban kiểm soát
	Năm sinh	1969
	Trình độ văn hóa	12/12
	Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính kế toán
	Số lượng cổ phần	0 CP (0,0%)
	Ngày tái cử	23/04/2017
3	Ông Đỗ Việt Cường	Thành viên Ban kiểm soát
	Năm sinh	1982
	Trình độ văn hóa	12/12
	Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính kế toán, CN kinh tế
	Số lượng cổ phần	0 CP (0,0%)
	Ngày trúng cử	23/04/2017

Thành viên Ban KS đã miễn nhiệm trong năm 2017:

1	Ông Trần Công Hạnh	Thành viên Ban kiểm soát
	Năm sinh	1960
	Trình độ văn hóa	12/12
	Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính kế toán
	Số lượng cổ phần	2.250 CP
	Ngày miễn nhiệm	23/04/2017

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1	Ông Trịnh Tiến Bày	TV HĐQT - Tổng Giám đốc
	Năm sinh	1972
	Trình độ văn hóa	12/12
	Trình độ chuyên môn	Th.s Quản trị kinh doanh; Kỹ sư cơ khí TL.
	Số lượng cổ phần	60.000 CP (0,39%)
	SLCP đại diện vốn NN	1.490.000 CP (9,86%)
	Ngày tái bổ nhiệm	27/04/2017
2	Ông Nguyễn Văn Lương	TV HĐQT - Phó Tổng Giám đốc
	Năm sinh	1977
	Trình độ văn hóa	12/12
	Trình độ chuyên môn	Th.s kinh tế, cử nhân quản trị kinh doanh
	Số lượng cổ phần	162.440 CP (1,07%)
	SLCP đại diện vốn NN	2.268.343 CP (15%).
	Ngày tái bổ nhiệm	27/04/2017

c. Thay đổi thành viên HĐQT, BKS, Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

Tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 23 tháng 04 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã tiến hành bầu cử các thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2017-2022. Với kết quả như đã trình bày tại mục 1.7 b.

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2017 -2022 đã bầu ông Đinh Lê Chiến là Chủ tịch HĐQT và Ban kiểm soát đã bầu ông Đặng Xuân Long là Trưởng Ban kiểm soát.

Chủ tịch Hội đồng quản trị tái bổ nhiệm ông Trịnh Tiến Bày là Tổng giám đốc điều hành; ông Nguyễn Văn Lương là Phó Tổng giám đốc điều hành.

Ngày 01/05/2017 Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm ông Trần Sỹ Phúc làm Kế toán trưởng công ty thay cho bà Lê Thị Quyết nghỉ hưu theo chế độ.

d. Thù lao của Hội đồng quản trị và ban kiểm soát năm 2017.

Thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông ngày 23/04/2017 Công ty đã tiến hành tạm ứng tiền thù lao của Hội đồng quản trị của năm 2017 là 500.000.000đ (trong tổng số 2% lợi nhuận sau thuế), mỗi thành viên HĐQT tạm ứng 100.000.000đ. Tạm ứng tiền thù lao Ban kiểm soát năm 2017 là 65.000.000đ (trong tổng số tiền thù lao cả năm là 140.000.000đ), Trưởng ban KS là 25.000.000đ, mỗi thành viên BKS là 20.000.000đ. Xem thêm mục 6.1 thuyết minh BCTC.

e. Cơ cấu lao động và chính sách đối với người lao động

- Số lượng cán bộ công nhân viên tính đến 31/12/2017 là 129 người.

Cơ cấu lao động	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
Phân theo trình độ	129	100%
Thạc sỹ	06	4,7%
Đại học	36	27,9%
Cao đẳng	01	0,8%
Trung cấp	20	15,5%

Sơ cấp, công nhân kỹ thuật	52	40,3%
Lao động phổ thông	14	10,8%
Phân theo hợp đồng lao động	129	100%
Không xác định thời hạn	121	93,8%
Xác định thời hạn từ đủ 12 tháng đến 36 tháng	08	6,2%

▪ *Chính sách đối với người lao động*

Công ty luôn chú trọng đến quyền lợi của người lao động trong công ty, đặc biệt là về vấn đề an toàn lao động. Do đặc thù ngành khai thác mỏ, rủi ro về tai nạn lao động tiềm ẩn cao nên Công ty mua bảo hiểm tai nạn đầy đủ cho người lao động của Tổng công ty bảo hiểm Việt Nam. Trang bị, cấp phát phương tiện bảo hộ lao động cho cá nhân người lao động theo đúng quy định tại Thông tư số 04/2014/TT-BLĐTBXH ngày 12/02/2014 và đóng BHXH theo đúng quy định.

Tiền lương tính theo sản phẩm tiêu thụ trong tháng tương ứng với chức danh công việc. Tiền thưởng lễ trong năm, chế độ đi thăm quan nghỉ mát công ty đều thực hiện đầy đủ và phù hợp với tình hình tài chính của công ty. Thu nhập bình quân cả năm 2017 là 12.000.000 đồng/người/tháng. Tiền thưởng cuối năm 2017 (dịp Tết Âm lịch) đối với người lao động được chi trả theo mức đóng góp của người lao động trong năm 2017, mức thấp nhất là 15.000.000 đồng/người, bình quân là 22.000.000đ/người.

1.8. Các chi nhánh của công ty:

1. Chi nhánh Công ty CP Hóa An tại Biên Hòa

(mỏ đá Tân Cang 3).

Địa chỉ:
*Xã Tam Phước,
Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai.*



2. Chi nhánh Công ty CP Hóa An tại Vĩnh Cửu

(mỏ đá Thạnh Phú 2).

Địa chỉ:
*Xã Thiện Tân,
Huyện Vĩnh Cửu,
Tỉnh Đồng Nai.*



3. Chi nhánh Công ty CP Hóa An tại Bình Phước

(mỏ đá Núi Gió).

Địa chỉ:

Xã Tân Lợi,

Huyện Hớn Quản,

Tỉnh Bình Phước.



1.9. Thông tin cổ đông và giao dịch của người nội bộ Công ty

a. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ trong năm 2017:

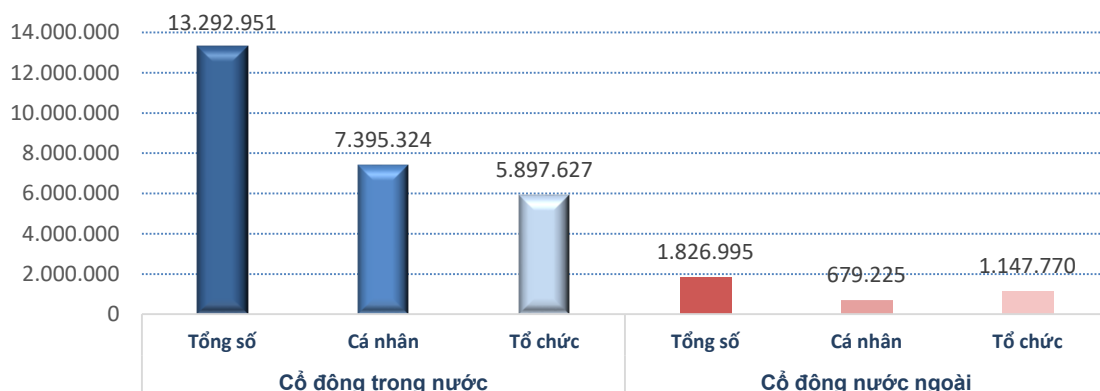
Năm 2017 cổ đông nội bộ không có giao dịch mua bán cổ phiếu của công ty. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên HĐQT, Ban KS, Ban Tổng giám đốc (xem mục 1.7 phần b).

b. Cổ đông công ty: Số liệu sở hữu CK chốt ngày 19/03/2018 để tổ chức ĐHCĐ:

TT	Đối tượng	Số cổ phần (cp)	Tỷ lệ (%)
A	Cổ đông trong nước	13.292.951	87,92%
	Cá nhân	7.395.324	48,91%
	Tổ chức	5.897.627	39,01%
B	Cổ đông nước ngoài	1.826.995	12,08%
	Cá nhân	679.225	4,49%
	Tổ chức	1.147.770	7,59%
Tổng cộng		15.119.946	100,00%

▪ Các cổ đông lớn của công ty: Tổng công ty VLXD số 1 – CTCP – FICO, số lượng cổ phần sở hữu 3.758.343 CP chiếm tỉ lệ 24,95% cổ phần có quyền biểu quyết và Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Xây Dựng 3-2, số lượng cổ phần sở hữu 1.346.260 CP chiếm tỉ lệ 8,94% cổ phần có quyền biểu quyết.

▪ Tổng số cổ phần: 15.119.946 CP; số lượng cổ phiếu đang lưu hành : 15.061.213. Tính đến ngày 31/12/2017, số lượng cổ phiếu quỹ của Công ty là 58.733 cổ phiếu.



2. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2017

2.1. Đánh giá tình hình chung

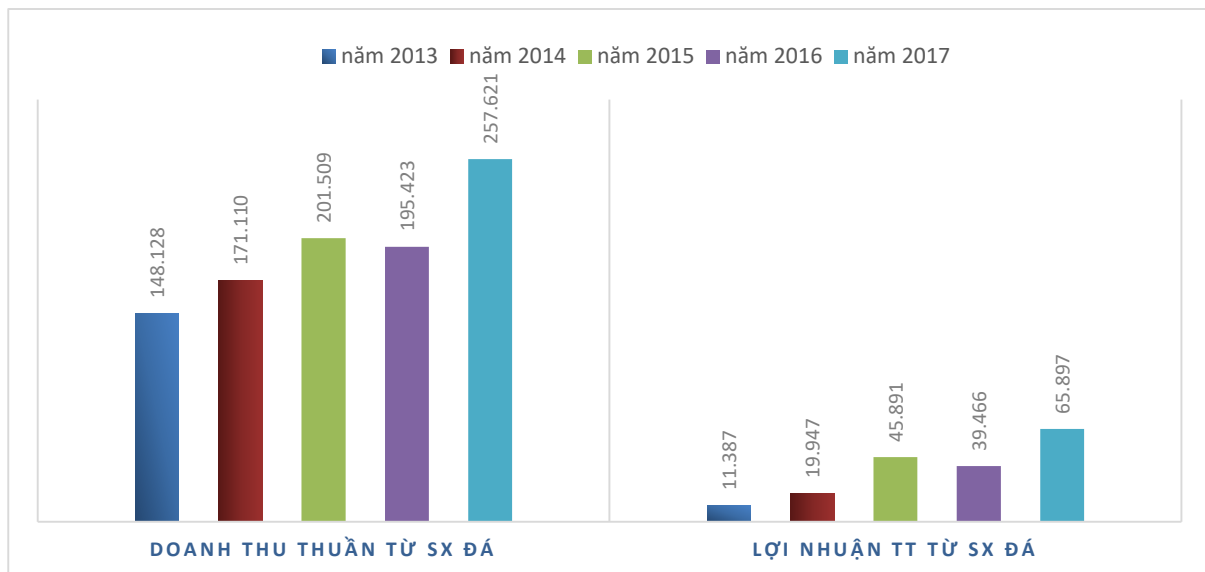
Năm 2017, tăng trưởng kinh tế đạt 6,81%. Sau những khó khăn chạm đáy vào năm 2012, nền kinh tế quốc gia đang cho thấy sự tăng trưởng khá ổn định. Mức Tăng trưởng đã vượt dự tính, lên tới 6,81%, so với bình quân 5,2% của vùng Đông Nam Á. Các con số do Ngân hàng Thế giới mới công bố cũng cho thấy trong hai năm tới Việt Nam vẫn giữ tăng trưởng trên 6%, trong khi thế giới vẫn là 2,9% cho cả 2018 và 2019.

Trong xu hướng chung đó ngành xây dựng, bất động sản cũng có những bước tăng trưởng ấn tượng, nhờ đó tình hình tiêu thụ sản phẩm của công ty khá tốt, các chỉ tiêu chủ yếu đều vượt kế hoạch đề ra, chỉ tiêu sản lượng đạt 1.719.724 m³ = 121% kế hoạch; chỉ tiêu Tổng doanh thu đạt 267,78 tỷ đồng, đạt 133% kế hoạch (200,78 tỷ), chỉ tiêu lợi nhuận TT đạt 73,36 tỷ/KH 45,41 tỷ (= 162%); nguyên nhân chủ yếu do sản lượng và giá bán sản phẩm đều tăng và có thêm nguồn thu nhập khác, đồng thời các chi phí SXKD đầu vào được tiết kiệm tối đa.

Kết quả một số chỉ tiêu chủ yếu đạt được năm 2017:

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2016	Năm 2017		Tỷ lệ năm 2017 so với	
		Kế hoạch	Thực hiện	TH 2016	KH 2017
Tổng sản lượng tiêu thụ (m ³)	1.400.680	1.420.000	1.719.724	122,8%	121,1%
Tổng doanh thu SX (1.000đ)	195.423.513	198.280.000	257.621.239	131,8%	129,9%
Doanh thu Tài chính (1.000đ)	22.491.525	2.500.000	9.857.541	43,8%	394,3%
Lợi nhuận trước thuế (1.000đ)	61.725.416	45.414.000	73.362.100	118,9%	161,5%
Lợi nhuận sau thuế (1.000đ)	49.486.475	36.331.000	58.730.199	118,7%	161,7%
Thu nhập b/q/ người/tháng (1.000đ)	10.000	10.000	12.000	120,0%	120,0%

Biểu đồ Doanh thu thuần và Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động sản xuất đá qua các năm.



2.2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của công ty

Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty cổ phần Hóa An, với vai trò đại diện cho các cổ đông công ty, luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm, bám sát nội dung của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và tình hình thực tế của Công ty, đưa ra các quyết sách đúng đắn, kịp thời tạo điều kiện thuận lợi cho Ban điều hành hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ sản xuất kinh doanh 2017, đạt hiệu quả cao cho công ty và cổ đông.

Bên cạnh việc hoàn thành vượt mức kế hoạch kinh doanh đề ra, Công ty vẫn luôn thực hiện tốt trách nhiệm đối với xã hội và môi trường. Đối với nguồn nhân lực, công ty thực hiện các chính sách đảm bảo môi trường làm việc và quyền lợi cho nhân viên; phát triển nguồn nhân lực với các chương trình huấn luyện và đào tạo phù hợp. Thực hiện trách nhiệm bảo vệ môi trường, công ty áp dụng các biện pháp kỹ thuật trong sản xuất đảm bảo giảm thiểu tối đa ảnh hưởng xấu với môi trường và triển khai chính sách tiết kiệm năng lượng và bảo vệ môi trường.

2.3. Đánh giá công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc:

Công tác điều hành:

Trong năm 2017, Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo và giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc trong việc triển khai, thực hiện các nghị quyết của Đại Hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị. Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc đã hoàn thành tốt việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty theo đúng với định hướng và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị.

Ban điều hành kịp thời đề xuất và xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT về việc kiện toàn bộ máy tổ chức nhân sự, tăng cường công tác kiểm tra giám sát hoạt động sản xuất, quản lý tài chính chặt chẽ tại các đơn vị trực thuộc;

Thông qua công tác kiểm tra, giám sát bằng các báo cáo định kỳ của Ban Tổng Giám đốc tại cuộc họp Hội đồng Quản trị về kết quả hoạt động kinh doanh, hoạt động điều hành và quản lý. Hội đồng Quản trị đánh giá Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông và quyết định của Hội đồng. Quản trị một cách trung thực và cẩn trọng.

Về sản xuất, kinh doanh:

Ban Tổng giám đốc điều hành hoạt động của Công ty linh hoạt, kịp thời đưa ra nhiều giải pháp thị trường để đảm bảo giữ được khách hàng truyền thống đồng thời phát triển khách hàng mới, sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu từng đối tượng khách hàng.

Về thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017: Hoàn thành vượt mức kế hoạch SXKD năm 2017 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, thể hiện trong báo cáo Tình hình hoạt động và kết quả SXKD năm 2017.

Về quản trị công ty

- Quản lý và vận hành Công ty theo những thông lệ quản trị tốt nhất nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông và người lao động.
- Áp dụng các biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.
- Hoạch định kế hoạch vốn và nguồn vốn nhằm đảm bảo sử dụng hiệu quả nguồn vốn trong hoạt động tài chính cũng như cho các dự án.

Về chính sách đối với người lao động:

Thực hiện quy chế trả lương, thưởng theo chức danh công việc.

Quyền lợi của người lao động tại Công ty đều được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật lao động: Người lao động được Công ty ký HĐLĐ đầy đủ, kê khai nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp ... và thực hiện chi trả các chế độ khác cho người lao động đúng qui định pháp luật.

2.4. Mục tiêu thực hiện trong năm 2018.

Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu là tập trung chỉ đạo, giám sát thường xuyên công tác triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 theo Nghị quyết ĐH đồng cổ đông được thông qua.

Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ cụ thể tại các mỏ đá Núi Gió, Tân Cang 3, Thạnh Phú 2, đảm bảo ổn định và tăng trưởng về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, thu nhập người lao động và lợi ích của cổ đông.

Cùng Ban điều hành công ty nghiên cứu chiến lược phát triển dài hạn cho Công ty phù hợp với xu thế phát triển của xã hội và tiềm lực của công ty.

Đồng thời, nâng cao chất lượng quản trị và vận hành, chú trọng công tác dự báo để chủ động điều chỉnh và đưa ra các giải pháp phù hợp, đảm bảo mọi nguồn lực sẵn sàng cho mục tiêu tăng trưởng bền vững.

Tiếp tục tìm kiếm các dự án tiềm năng để đầu tư.



3. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

3.1. Báo cáo tình hình tài chính và sản xuất kinh doanh.

a. Chỉ số tài chính chủ yếu

1	Khả năng thanh toán	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2017
	Khả năng thanh toán ngắn hạn	3,3	6,4	8,9
	Khả năng thanh toán nhanh	3,3	4,9	5,5
2	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	62,3%	48,8%	50,0%
	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	37,7%	51,2%	50,0%
3	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	12,2%	8,8%	6,5%
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	87,8%	91,2%	93,5%
4	Chỉ số sinh lợi			
	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (ROS)	22,3%	25,3%	22,8
	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	12,1%	13,6%	15,4
	Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	13,8%	14,9%	16,4
5	Lãi cơ bản/cổ phiếu			
	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	2.652	3.013	3.899

b. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Đvt	Năm 2016	Năm 2017	Tăng (+) /giảm (-)
Tổng giá trị tài sản	1.000đ	365.249.919	382.546.200	17.296.281
Doanh thu thuần	1.000đ	195.423.513	257.621.239	62.197.726
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.000đ	45.792.761	73.362.100	27.569.339
Lợi nhuận khác	1.000đ	15.932.654	72.625	-15.860.029
Lợi nhuận trước thuế	1.000đ	61.725.416	73.434.725	11.709.309
Lợi nhuận sau thuế	1.000đ	49.486.475	58.730.200	9.243.725

Nguồn: báo cáo tài chính kiểm toán 2016, 2017

c. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017

Các chỉ tiêu thực hiện	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Tỷ lệ % TH 2017	
				So TH 2016	So KH 2017
1. Sản phẩm các loại: (đvt: m³)	1.400.680	1.420.000	1.719.724	122,8%	121,1%
- Mỏ Núi Gió (đá các loại)	268.310	290.000	275.562	102,7%	95,0%
- Mỏ Tân Cang 3 (đá các loại)	367.217	360.000	417.205	113,6%	115,9%
- Mỏ Thạnh Phú 2 (đá các loại)	765.153	770.000	1.026.957	134,2%	133,4%
2. Tổng doanh thu (đvt: 1.000đ)	217.915.037	200.780.100	267.783.325	122,9%	133,4%
- Doanh thu SX (Núi Gió)	40.195.462	43.387.000	49.928.080	124,2%	115,1%
- Doanh thu SX (Tân Cang 3)	44.494.151	43.457.000	65.166.470	146,5%	150,0%
- Doanh thu SX (Thạnh Phú 2)	110.733.899	111.435.500	142.526.689	128,7%	127,9%
- Doanh thu HĐ Tài chính	6.466.375	2.500.000	9.857.541	152,4%	394,3%
- Doanh thu khác	16.025.150	0	304.545	1,9%	#
3. Tổng lợi nhuận trước thuế (1.000đ)	61.725.416	45.413.919	73.434.725	119%	162%
- Lợi nhuận TT (Núi Gió)	8.919.462	9.187.719	14.720.236	165%	160%
- Lợi nhuận TT (Tân Cang 3)	1.282.425	1.731.600	12.201.144	951%	705%
- Lợi nhuận TT (Thạnh Phú 2)	29.264.786	31.994.600	38.975.465	133%	122%
- Lợi nhuận Tài chính và LN khác	22.258.743	2.500.000	7.537.880	34%	302%
4. Lợi nhuận ST: (Đvt: 1.000đ)	49.486.475	36.331.135	58.730.199	119%	162%

d. Tỷ trọng các khoản chi phí SXKD chính năm 2017 trên doanh thu:

Đvt: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Tỷ trọng So doanh thu 2016	Năm 2017	Tỷ trọng So doanh thu 2017	% Tăng (+)/Giảm (-) so 2016
Giá vốn hàng bán	140.238	71,8%	177.366	68,8%	-3,0%
Chi phí bán hàng	209	0,11%	309	0,12%	0,0%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.509	7,9%	14.049	5,5%	-2,4%
Chi phí tài chính	140	0,07%	2.392	0,9%	0,8%
Doanh thu thuần BH và CCDV	195.423		257.621		

3.2. Tình hình tại các mỏ đá hiện hữu:

Mỏ đá Núi Gió: xã Tân Lợi, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước

Tổng diện tích được cấp phép khai thác : 18,52ha.

Công suất khai thác đã được cấp phép: 200.000m³/năm.

Thời hạn khai thác: đến tháng 8/2025.

Năng lực sản xuất: mỏ hiện tại có 3 hệ thống nghiền sàng, tạm đủ đáp ứng nhu cầu thị trường hiện tại, Công ty đang tiến hành xin cấp chuyển đổi trữ lượng nâng công suất khai thác lên 300.000m³ (đá nguyên khai)/năm.



Mỏ đá Tân Cang 3: xã Phước Tân, Tp. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.



Tổng diện tích được cấp phép khai thác : 21,74 ha.

Công suất khai thác đã được cấp phép: 490.000m³/năm

Thời hạn khai thác: đến tháng 03/2024.

Khu vực có rất nhiều mỏ đá của đơn vị khác, sự cạnh tranh cao, điều kiện khai thác mỏ Tân Cang 3 khó khăn hơn. nên hiệu quả SXKD của mỏ Tân Cang 3 thấp hơn hai mỏ Núi Gió và Thạnh Phú 2.

Mỏ đá Thạnh Phú 2: xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Tổng diện tích được cấp phép khai thác : 20 ha.

Công suất khai thác đã được cấp phép : 818.000m³/năm

Thời hạn khai thác: đến tháng 9/2026.

Mỏ Thạnh Phú 2 có nhiều yếu tố thuận lợi về vị trí, điều kiện khai thác, sản xuất và tiêu thụ, do đó hiện nay là mỏ chủ lực của công ty.

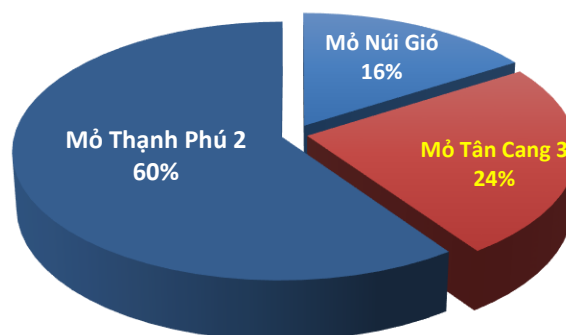


3.3. Chỉ tiêu kế hoạch năm 2018

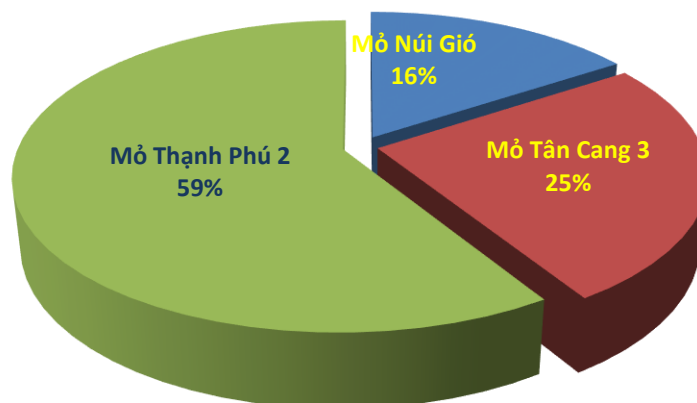
a. Kế hoạch sản lượng năm 2018

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Tỷ lệ (%) 2018/2017
Tổng sản phẩm sản xuất (m ³)	1.719.724	1.746.190	101,5%
1. Mỏ Núi Gió (đá các loại)	275.562	276.000	100,2%
2. Mỏ Tân Cang 3 (đá các loại)	417.205	440.190	105,5%
3. Mỏ Thạnh Phú 2 (đá các loại)	1.026.957	1.030.000	100,3%

Tỉ trọng sản lượng thực hiện năm 2017



Tỉ trọng sản lượng kế hoạch năm 2018



b. Chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận kế hoạch cho năm 2018

Đvt: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	Tỷ lệ (%) KH 2018 / TH 2017
Tổng Doanh thu	267.783.325	254.996.000	95%
Doanh thu sản xuất (Núi Gió)	49.928.080	49.825.000	100%
Doanh thu sản xuất (Tân Cang 3)	65.166.470	59.199.000	91%
Doanh thu sản xuất (Thạnh Phú 2)	142.526.689	142.672.000	100%
Doanh thu HĐ tài chính	9.857.541	3.000.000	30%
Doanh thu khác	304.545	300.000	99%
Tổng Lợi nhuận trước thuế	73.434.725	60.361.000	82%
LN từ SXKD đá XD mỏ Núi Gió	14.720.236	13.297.000	90%
LN từ SXKD đá XD mỏ Tân Cang 3	12.201.144	7.007.000	57%
LN từ SXKD đá XD mỏ Thạnh Phú 2	38.975.465	36.857.000	95%
Lợi nhuận tài chính và LN khác	7.537.880	3.200.000	42%
Tổng Lợi nhuận sau thuế	58.730.199	48.289.000	82%
Thu nhập b/q người lao động/tháng	12.000.000	12.000.000	100%
Cổ tức theo NQĐH năm 2017 & kế hoạch năm 2018	20%	20%	100%

3.4. Đánh giá tình hình thị trường và biện pháp thực hiện những mục tiêu

Năm 2017, tốc độ tăng trưởng kinh tế ở mức cao và nền tảng kinh tế vĩ mô dần được cải thiện sẽ là cơ sở để duy trì tốc độ tăng trưởng cho năm 2018. Bất động sản và cơ sở hạ tầng tiếp tục phát triển... trên địa bàn tỉnh Đồng Nai có nhiều dự án bất động sản đang triển khai, trong đó có nhiều dự án bất động sản có vốn đầu tư lớn, như: dự án Waterfront City với tổng vốn đầu tư theo đăng ký lên đến 750 triệu USD quy mô gần 367ha, Aqua City có diện tích khoảng 305ha với tổng vốn đầu tư 519 triệu ở xã Long Hưng (TP. Biên Hòa), Khu đô thị mới Nhơn Trạch, Khu dân cư xã Vĩnh Thanh, dự án Sunflower City ... do đó khả năng nhu cầu về vật liệu xây dựng trong năm 2018 vẫn sẽ ở mức cao, trong đó có sản phẩm đá xây dựng của công ty. Công ty sẽ tăng cao sản lượng sản xuất theo diễn biến thị trường, đồng thời tiếp tục kiểm soát chi phí đầu vào hợp lý và chặt chẽ. Cụ thể tại các mỏ:

Mỏ đá Núi Gió: hoàn thành việc xin cấp phép thăm dò trữ lượng nâng công suất mỏ từ 200.000m³/ năm lên 300.000m³/năm trong nửa đầu năm 2018.

Mỏ đá Tân Cang 3: Đẩy nhanh tiến độ bóc đất phủ, mở moong khai thác kịp thời cung ứng đá nguyên liệu cho sản xuất sản phẩm. Tích cực mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, hạ moong và mở moong khai thác xong trong mùa khô.

Mỏ đá Thạnh Phú 2: tiếp tục bóc đất phủ, mở rộng moong, đảm bảo khai thác đủ đá nguyên liệu cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm khi nhu cầu thị trường tăng cao.

4. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

4.1. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát:

Qua công tác giám sát, Ban Kiểm soát đánh giá hoạt động quản lý và điều hành của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm 2017 đã tuân thủ Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông. HĐQT đã thực hiện công tác quản lý và điều hành Công ty theo đúng Điều lệ công ty và các qui định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và người lao động

Trong năm 2017 Trưởng ban KS đã tham dự tất cả các cuộc họp Hội đồng quản trị của Công ty và tham gia góp ý, chất vấn các nội dung nêu ra trong các cuộc họp của HĐQT.

Ban kiểm soát kiểm tra giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, kiểm tra giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2017, việc tuân thủ theo điều lệ Công ty, tuân thủ các quy chế, quy trình hoạt động của Công ty.

Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục của các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trên cơ sở quy định của luật doanh nghiệp, điều lệ Công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Kiểm tra giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tiến hành kiểm tra thực tế tình hình hoạt động SXKD tại các chi nhánh công ty.

Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, năm, đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, xem có phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.

Phối hợp làm việc với đơn vị kiểm toán độc lập để cùng tìm hiểu và làm rõ các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán. Đồng ý cơ bản với các đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của đơn vị kiểm toán độc lập.

4.2. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc.

Năm 2017 HĐQT đã tiến hành họp 06 lần, Trưởng ban kiểm soát đã tham dự họp đầy đủ. Nội dung trọng tâm của các cuộc họp là bàn bạc tìm biện pháp thực hiện Kế hoạch SXKD năm 2017 để đạt hiệu quả tốt nhất, cũng như bàn thảo phương hướng chiến lược dài hạn cho công ty.

- HĐQT đã thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Các Nghị quyết, quyết định của HĐQT đều được ban hành kịp thời, đúng trình tự thủ tục, phù hợp với qui định của pháp luật Việt Nam, đảm bảo thực hiện tốt chức năng quản trị của HĐQT, đồng thời đáp ứng được yêu cầu điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng giám đốc.

- Năm 2016 Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết của HĐQT kịp thời, khắc phục những khó khăn và có biện pháp điều hành cần thiết để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017.

- Ban Tổng Giám đốc đã tận dụng tốt các lợi thế trong SXKD để tối đa hóa lợi nhuận. Thường xuyên nắm bắt tình hình thị trường, đưa ra các quyết định điều hành một cách kịp thời, phù hợp với sự biến động của thị trường.

- Việc thực hiện giao khoán tiền lương và chế độ thưởng cho người lao động công ty là phù hợp theo KQSXKD, đảm bảo thu nhập người lao động ổn định và có tăng trưởng, đồng thời hài hòa với lợi ích của Công ty, của cổ đông và các đối tác hợp tác SXKD với Công ty. Trong năm không để xảy ra tranh chấp nào giữa người sử dụng lao động và người lao động.

Về công bố thông tin: Công ty tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Đánh giá chung: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

4.3. Việc thẩm định báo cáo tài chính năm 2017.

1. Công tác tài chính kế toán và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2017:

Công ty thực hiện công tác hạch toán kế toán theo đúng quy định của chế độ kế toán, các số liệu được ghi nhận đầy đủ, chính xác và đã được Công ty TNHH CPA Việt Nam kiểm toán.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh: Hoạt động sản xuất và tiêu thụ:

Về sản xuất và tiêu thụ sản phẩm:

Năm 2017 nền kinh tế tiếp tục ổn định và phát triển, thị trường BĐS nói chung cũng như thị trường VLXD nói riêng đã có chuyển biến tương đối tốt, nhờ đó hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đã đạt được kết quả tốt hơn.

Sản lượng sản xuất toàn công ty là 1.719.724 m³ tăng 21% so với kế hoạch năm 2017 và tăng 22,8% so với thực hiện năm 2016, trong đó:

- Mỏ Thạnh Phú: tiêu thụ 1.026.957 m³ tăng 33,4% so kế hoạch năm 2017 và tăng 34,2% so thực hiện năm 2016, chiếm 60% tổng sản lượng sản của toàn Công ty. Mỏ Thạnh Phú là mỏ chiếm tỷ trọng sản xuất và tiêu thụ nhiều nhất của Công ty trong nhiều năm qua;

- Mỏ Núi Gió: tiêu thụ 275.562 m³ giảm 5% so kế hoạch năm 2017 và tăng 2,7% so thực hiện năm 2016. Sản lượng sản xuất và khai thác ổn định đạt 96% công suất khai thác của mỏ;

- Mỏ Tân Cang: tiêu thụ 417.205 m³ tăng 15,9% kế hoạch năm 2017 và tăng 13,6% so thực hiện năm 2016. Mỏ Tân Cang sau thời gian đầu phải tập trung bóc tầng phủ để khai thác đến nay hoạt động sản xuất kinh doanh bắt đầu đi vào ổn định và đem lại hiệu quả tốt cho Công ty.

Kết quả kinh doanh:

Năm 2017 doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ là 257,6 tỷ đồng tăng 30% so kế hoạch năm 2017 và tăng 31,8% so năm 2016, lãi gộp đạt 80,3 tỷ đồng đạt tỉ lệ 31,2% doanh thu thuần bán hàng và CCDV, tỉ lệ này cao hơn 2,9% so với năm 2016.

* Kết quả: Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 73,4 tỷ đồng (trong đó có lợi nhuận từ hoạt động tài chính 7,8 tỷ đồng) tăng 62% so với kế hoạch năm 2017 và tăng 19% so với thực hiện năm 2016. Đây là kết quả lợi nhuận tốt nhất trong nhiều năm gần đây của Công ty.

- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là 65,9 tỷ đồng (sau khi trừ lợi nhuận từ hoạt động tài chính và thu nhập khác), trong đó:

+ Mỏ Thạnh Phú đạt lợi nhuận là 39 tỷ đồng chiếm 59,1% tổng lợi nhuận của công ty, là mỏ mang lại lợi nhuận cao nhất cho công ty, tỷ suất lợi nhuận/doanh thu đạt 27,4%,

+ Mỏ Núi Gió đạt lợi nhuận 14,7 tỷ đồng tăng 60,2% so với kế hoạch năm 2017 và tăng 65% so với thực hiện năm 2016. Mỏ Núi Gió chỉ đạt 95% kế hoạch sản lượng tiêu thụ nhưng doanh thu vượt 15,1% và lợi nhuận vượt 60,2% so với kế hoạch.

+ Mỏ Tân Cang đạt 12,2 tỷ đồng lợi nhuận tăng 604,8% so với kế hoạch năm 2017 và tăng 851,7% so với thực hiện năm 2016. Sau thời gian dài chi nhánh tiến hành mở móng khai thác và bán các sản phẩm đá phong hóa với mức giá thấp, Trong năm 2017 chi nhánh đã tăng cường tiêu thụ sản phẩm đá 1x2; 0x4... và là năm đầu tiên đạt được kết quả tốt nhất từ khi khai thác đến nay, là tiền đề để mở hoạt động có hiệu quả trong tương lai.

Tổng hợp kết quả một số chỉ tiêu chính như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Đvt	KH năm 2017	TH năm 2017	TH năm 2016	Tỷ lệ so với	
						KH năm 2017	TH năm 2016
1	Tổng sản lượng sản xuất	m3	1.420.000	1.719.724	1.400.681	121%	123%
2	Tổng doanh thu thuần BH&CCDV	đồng	198.280.100.000	257.621.239.173	195.423.512.525	130%	132%
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	đồng	45.413.918.000	73.434.725.286	61.725.415.862	162%	119%
4	Lợi nhuận sau thuế	đồng	36.331.134.400	58.730.199.549	49.486.474.666	162%	119%

Tình hình quản lý sử dụng vốn và tài sản:

- Năm 2017 công ty không vay nợ ngân hàng để phục vụ sản xuất kinh doanh, nguồn vốn chủ sở hữu tăng 24,5 tỷ đồng tương đương 7,35% là do tăng lợi nhuận sau thuế. Năm 2017 Công ty đã tiến hành tạm ứng cổ tức đợt 1, 2 với số tiền 22,6 tỷ đồng.

- Tính đến ngày 31/12/2017 lượng tiền mặt tồn quỹ và tiền gửi ngân hàng là 88,6 tỷ đồng, trong đó tiền gửi ngân hàng là 83,9 tỷ đồng, hiện tại công ty đang có nguồn vốn tốt để phục vụ cho chiến lược phát triển lâu dài của Công ty.

3. Công tác đầu tư:**** Thoái vốn:***

- Công ty đã tiến hành thoái vốn tại Công ty cổ phần xi măng FiCO Tây Ninh và Công ty CP XD trang trí kiến trúc ADEC thu lãi được 5,3 tỷ đồng.

**** Đầu tư:***

- Trong năm công ty đã tiến hành đầu tư tại 2 Công ty (Công ty cổ phần gạch men Thanh Thanh, với giá trị là 9.395.260.000 đồng (462.000 cổ phiếu).

- Tại mỏ Núi Gió: đang trong quá trình làm thủ tục tiến hành xin nâng công suất khai từ 200.000m³/năm lên 300.000 m³/năm.

4.4. Kết luận và kiến nghị.

Năm 2017 Công ty đã được kết quả kinh doanh tốt nhất trong nhiều năm gần đây, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông giao. Nhờ sự nỗ lực của HĐQT, Ban điều hành và tập thể người lao động, đặc biệt Ban Tổng giám đốc đã có nhiều giải pháp kịp thời trong quản lý điều hành để hiệu quả SXKD của từng chi nhánh đều tăng trưởng, góp phần vào thành công chung cho toàn công ty năm 2017.

Trong năm 2018, Ban kiểm soát kiến nghị:

- HĐQT và Ban điều hành Công ty tiếp tục tìm kiếm biện pháp đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất kinh doanh, điều tiết giá bán hợp lý để đảm bảo lợi nhuận mà đại hội đồng cổ đông giao.

- Đẩy mạnh việc Nâng cao chất lượng và đa dạng hóa sản phẩm, để tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Công tác thu hồi công nợ đã được cải thiện hơn trong năm qua, do đó Công ty tiếp tục cố gắng thu hồi dứt điểm công nợ tồn đọng.

- Để đảm bảo phát triển bền vững Công ty cần tiếp tục tìm kiếm những cơ hội đầu tư mới mà Công ty đang có thể mạnh.

- Phát huy hơn nữa vai trò và năng lực trong công tác lãnh đạo, điều hành, quản lý để hoàn thành chỉ tiêu nhiệm vụ kinh doanh năm 2018.

- Tăng cường công tác giám sát, kiểm soát rủi ro trong việc sản xuất kinh doanh.

- Công tác kế toán cần thường xuyên cập nhật để phục vụ tốt hơn cho việc quản trị doanh nghiệp.



5. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hóa An trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hóa An được thành lập theo Quyết định số 47/2000/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty Khai thác đá và Vật liệu Xây dựng Hóa An thuộc Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600464464 (số cũ là 4703000008), đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 6 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 19 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai Cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 151.199.460.000 đồng.

Tên tiếng Anh: Hoa An Joint Stock Company

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh. Mã cổ phiếu: DHA

Trụ sở chính của Công ty tại: Ấp Cầu Hang - Xã Hoá An - TP Biên Hoà - Tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị

Ông Đinh Lê Chiến	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Lương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17/01/2017)
Bà Ngô Thị Việt Hoa	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 17/01/2017)
Ông Trịnh Tiến Bảy	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Thành	Thành viên
Bà Võ Thị Cẩm Hường	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 23/4/2017)
Bà Lê Thị Quyết	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 23/04/2017)

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Tiến Bảy	Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 27/04/2017)
Ông Nguyễn Văn Lương	Phó Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 27/04/2017)

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Trịnh Tiến Bày

Tổng Giám đốc

Tp. Biên Hòa, ngày 19 tháng 03 năm 2018

6. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Hóa An, được lập ngày 19 tháng 03 năm 2018, từ trang 07 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần. thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hóa An tại ngày 31/12/2017 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; Kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 15 tháng 03 năm 2017 có ý kiến dạng chấp nhận toàn phần.



A blue ink signature of Nguyễn Tiến Trình.

Phan Thanh Nam**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1009-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 02/2018/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2018 của Chủ tịch HĐQT.

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2018

Nguyễn Tiến Trình**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1806-2018-137-1

7. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

TÀI SẢN

Đơn vị tính: VNĐ

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A -	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		191.228.906.328	187.088.337.589
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	74.859.946.181	39.025.232.260
1.	Tiền	111		21.359.946.181	23.525.232.260
2.	Các khoản tương đương tiền	112		53.500.000.000	15.500.000.000
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		25.583.071.707	91.011.547.607
1.	Chứng khoán kinh doanh	121	5.12	14.794.345.222	50.530.821.122
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	5.12	(2.911.273.515)	(519.273.515)
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	13.700.000.000	41.000.000.000
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		73.251.027.466	42.970.873.215
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	25.857.078.205	27.905.904.435
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		12.033.938.787	10.681.486.224
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.4	31.900.845.336	2.231.650.470
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	7.018.906.995	8.031.915.132
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(3.559.741.857)	(5.880.083.046)
IV.	Hàng tồn kho	140	5.7	233.604.856	-
1.	Hàng tồn kho	141		941.846.807	740.241.951
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(708.241.951)	(740.241.951)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		17.301.256.118	14.080.684.507
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.8	-	140.045.022
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		597.373.828	-
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.15	16.703.882.290	13.940.639.485
B-	TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		191.317.293.760	178.161.581.414
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		6.763.583.404	6.272.166.000

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215	5.4	1.450.000.000	2.050.000.000
6.	Phải thu dài hạn khác	216	5.5	5.313.583.404	4.222.166.000
II.	Tài sản cố định	220		97.706.364.800	99.681.020.819
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	33.551.880.738	30.500.192.608
-	<i>Nguyên giá</i>	222		84.149.631.872	76.405.845.892
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(50.597.751.134)	(45.905.653.284)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	5.10	64.154.484.062	69.180.828.211
-	<i>Nguyên giá</i>	228		102.566.589.324	103.179.976.635
-	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(38.412.105.262)	(33.999.148.424)
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		26.650.818.012	20.340.988.012
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	26.650.818.012	20.340.988.012
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.13	-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		8.459.840.000	8.459.840.000
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		510.000.000	510.000.000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(8.969.840.000)	(8.969.840.000)
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		60.196.527.544	51.867.406.583
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	60.196.527.544	51.867.406.583
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		270		382.546.200.088	365.249.919.003

NGUỒN VỐN

Đơn vị tính: vnd

CHỈ TIÊU		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C -	NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		24.763.027.573	31.964.790.544
I.	Nợ ngắn hạn	310		21.479.040.137	29.172.575.185
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	6.079.846.358	5.299.683.738
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		90.137.253	1.107.880.475
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.15	5.387.136.568	7.940.227.296
4.	Phải trả người lao động	314		6.437.112.731	5.179.729.948

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	1.083.235.745	849.834.240
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.17	60.737.250	7.601.020.656
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.340.834.232	1.194.198.832
II. Nợ dài hạn	330		3.283.987.436	2.792.215.359
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.18	3.283.987.436	2.792.215.359
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400	5.19	357.783.172.515	333.285.128.459
I. Vốn chủ sở hữu	410		357.783.172.515	333.285.128.459
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		151.199.460.000	151.199.460.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		151.199.460.000	151.199.460.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		58.398.416.000	58.398.416.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(1.298.220.000)	(1.298.220.000)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	5.19	88.795.293.116	88.795.293.116
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		60.688.223.399	36.190.179.343
LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		24.549.843.350	9.815.524.177
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		36.138.380.049	26.374.655.166
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		382.546.200.088	365.249.919.003

TP. Biên Hòa, ngày 19 tháng 03 năm 2018.

Người lập



Đỗ Văn Ngọc

Kế toán trưởng



Trần Sỹ Phúc

Tổng giám đốc



Trịnh Tiến Bảy

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.20	257.621.239.173	195.423.512.525
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	5.20	257.621.239.173	195.423.512.525
4. Giá vốn hàng bán	11	5.21	177.366.235.437	140.238.591.409
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		80.255.003.736	55.184.921.116
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.22	9.857.541.639	6.466.375.115
7. Chi phí tài chính	22	5.23	2.392.285.347	140.286.128
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	5.24	308.901.953	209.211.016
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.25	14.049.257.340	15.509.037.210
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		73.362.100.735	45.792.761.877
11. Thu nhập khác	31	5.26	304.545.453	16.025.149.817
12. Chi phí khác	32	5.26	231.920.902	92.495.832
13. Lợi nhuận khác	40		72.624.551	15.932.653.985
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		73.434.725.286	61.725.415.862
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.27	14.704.525.737	12.238.941.196
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		58.730.199.549	49.486.474.666
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.28	3.899	3.013

TP. Biên Hòa, ngày 19 tháng 03 năm 2018.

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Đỗ Văn Ngọc



Trần Sỹ Phúc



Trịnh Tiến Bẩy

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	73.434.725.286	61.725.415.862
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	10.291.795.999	10.580.635.940
- Các khoản dự phòng	03	531.430.888	87.827.858
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(9.857.541.639)	(22.409.455.672)
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	74.400.410.534	49.984.423.988
- Biến động các khoản phải thu	09	(31.024.975.148)	16.562.161.935
- Biến động hàng tồn kho	10	(201.604.856)	556.024.941
- Biến động các khoản phải trả	11	(133.413.641)	(21.179.494.608)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(8.189.075.939)	(15.938.063.376)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	35.736.475.900	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(16.490.405.537)	(13.044.895.954)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.444.782.004)	(3.180.496.840)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	50.652.629.309	13.759.660.086
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(15.802.289.980)	(4.644.926.629)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	1.479.865.453	10.768.713.817
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(79.500.000.000)	(31.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	106.800.000.000	705.494.653
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.857.541.639	6.028.330.942
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	22.835.117.112	(18.142.387.217)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(37.653.032.500)	(30.122.426.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(37.653.032.500)	(30.122.426.000)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	35.834.713.921	(34.505.153.131)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	39.025.232.260	73.530.385.391
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	74.859.946.181	39.025.232.260

TP. Biên Hòa, ngày 19 tháng 03 năm 2018.

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Đỗ Văn Ngọc



Trần Sỹ Phúc



Trịnh Tiến Bảy

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hóa An được thành lập theo Quyết định số 47/2000/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty Khai thác đá và Vật liệu Xây dựng Hóa An thuộc Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 thành công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600464464 (số cũ là 4703000008), đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 6 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 19 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai Cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: **151.199.460.000** đồng.

Chi tiết vốn chủ sở hữu:

STT	Đối tượng	Theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần		
		VND	%	Cổ phần
1	Tổng công ty VLXD số 1 - CTCP	37.583.430.000	24,86	3.758.343
2	Các cổ đông khác	113.616.030.000	75,14	11.361.603
	Tổng	151.199.460.000	100	15.119.946

Tên tiếng Anh: Hoa An Joint Stock Company

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh, Mã cổ phiếu: DHA.

Trụ sở chính của Công ty tại:

Áp Cầu Hang - Xã Hoá An - TP Biên Hoà - Tỉnh Đồng Nai.

Số lao động tại ngày 31/12/2017 là 129 người (Tại 31/12/2016 là 129 người)

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Khai thác và chế biến khoáng sản; Sản xuất vật liệu xây dựng; Bán buôn vật liệu xây dựng; Bán buôn vật tư kỹ thuật, thiết bị xây dựng; Đầu tư và kinh doanh hạ tầng, nhà ở, bến bãi, kho tàng; Xây dựng công trình công nghiệp; Xây dựng công trình giao thông; Xây dựng công trình thủy lợi; .../..

1.3 Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31/12/2017, Công ty có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc và công ty liên kết như sau:

Tên đơn vị	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ biểu quyết
Đơn vị trực thuộc			
1. Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa An tại Biên Hòa	Khai thác đá		
2. Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa An tại Bình Phước	Khai thác đá		
3. Chi nhánh Công ty Cổ phần Hóa An tại Vĩnh Cửu	Khai thác đá		
Công ty liên kết			
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định – FICO	Gia công cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng.	28,13%	28,13%

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực Kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2017.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn)

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu - chi.

Tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư

- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo Tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất có thời hạn và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Nhóm tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (Năm)</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	04 - 40
Máy móc thiết bị	08 - 15
Phương tiện vận tải	06 - 07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

Tài sản vô hình là quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm.

Đối với tài sản cố định tại Suối Trầu bao gồm các chi phí liên quan đến đền bù giải tỏa, giải phóng mặt bằng tại mỏ đá Suối Trầu. Công ty không tiến hành trích khấu hao đối với phần chi phí này vì toàn bộ đất đai và các tài khoản khác liên quan đến mỏ đá Suối Trầu đang nằm trong quy hoạch chờ giải tỏa và sẽ nhận đền bù theo dự án đầu tư cơ sở hạ tầng của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đồng Nai theo Quyết định số 488/QĐ.CT.UBT ngày 20/02/2004. Tổng nguyên giá 8.041.421.780 đồng, giá trị hao mòn lũy kế đến ngày 20/2/2004 là 5.019.826.098 đồng, giá trị còn lại 3.021.595.682 đồng (Trong đó: Tài sản cố định hữu hình Nguyên giá: 4.367.089.215 đồng, giá trị hao mòn lũy kế: 2.789.244.820 đồng, giá trị còn lại: 1.577.844.395 đồng; Tài sản cố định vô hình: Nguyên giá: 3.674.332.565 đồng, giá trị hao mòn lũy kế: 2.230.581.278 đồng, giá trị còn lại: 1.433.751.287 đồng).

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước bao gồm: Chi phí bóc lớp tầng phủ của các dự án, chi phí làm đường đi vào mỏ, chi phí thăm dò độ sâu và trữ lượng, tiền thuê đất trả trước.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích:

Chi phí làm đường vào mỏ phân bổ 20 năm, chi phí thuê đất phân bổ theo thời hạn thuê, chi phí bóc đất tầng phủ không quá 10 năm.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ

phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận.

Việc phân phối lợi nhuận được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó. Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chỉ có chi phí phục hồi môi trường. Chi phí này được trích hàng năm dựa trên sản lượng tính thuế tài nguyên

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.

- Lỗi đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Chỉ tiêu	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt	4.641.416.569	1.362.387.243
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.718.529.612	22.162.845.017
Tương đương tiền	53.500.000.000	15.500.000.000
Cộng	74.859.946.181	39.025.232.260

Tương đương tiền là khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 03 tháng.

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 06 tháng tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn: 13.700.000.000 đồng, lãi suất 7,1% / năm.

5.3 Phải thu khách hàng

Đối tượng	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	25.857.078.205	27.905.904.435
Công ty TNHH Lợi Lộc	1.159.356.360	1.659.356.360
Công ty TNHH DV TM Vũ Phong (TT)	4.438.383.749	4.438.383.749
Đặng Thị Dương (CNNG)	1.178.857.384	1.276.525.043
Lê Tiến Bộ (CNTC3)	8.459.881.020	8.859.881.020
Tiết Ngọc Hòa (CNTC3)	3.146.197.962	4.184.521.332
Công ty Cổ phần khai thác đá Hà Nam	3.530.010.238	2.675.750.509
Bán đá Chi nhánh Thiện Tân	2.674.423.255	3.307.155.353
Phải thu khách hàng khác	1.269.968.237	1.504.331.069
b) Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	25.857.078.205	27.905.904.435

5.4 Phải thu cho vay ngắn hạn

Đối tượng	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn	31.900.845.336	2.231.650.470
Cho vay thời hạn dưới 01 năm	31.900.845.336	2.231.650.470
b) Dài hạn	1.450.000.000	2.050.000.000
Cty TNHH MTV đá Thanh Phú	1.450.000.000	2.050.000.000
Cộng	33.350.845.336	4.281.650.470

5.5 Phải thu khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngắn hạn	7.018.906.995	55.347.750	8.031.915.132	1.093.347.940
Tạm ứng	1.431.031.338	-	1.644.406.161	-
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần	-	-	1.744.000.000	-
Công ty cổ phần chứng khoán Đệ Nhất	590.448.728	-	-	-
Tạm chi thù lao HĐQT và BKS năm 2017	565.000.000	-	-	-

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Cá nhân nộp tiền thuế thu nhập	420.950.831		341.874.348	-
Tạm chi tiền bóc đất phủ ra ngoài	1.195.593.120		257.231.086	-
Tiền lãi cho vay	2.763.999.875	55.347.750	3.317.981.315	1.093.347.940
Các khoản khác	51.883.103	-	726.422.222	-
b) Dài hạn	5.313.583.404	-	4.222.166.000	-
Ký quỹ phục hồi môi trường	5.313.583.404	-	4.222.166.000	
Cộng	12.332.490.399	55.347.750	12.254.081.132	1.093.347.940

5.6 Nợ xấu

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH DV-TM Vũ Phong (CNTT)	4.438.383.749	2.219.191.876	4.438.383.749	2.219.191.875
DNTN Đăng Anh	597.444.895	-	618.462.220	-
Đối tượng khác	4.434.712.972	3.691.607.883	3.042.428.952	
Cộng	9.470.541.616	5.910.799.759	8.099.274.921	2.219.191.875

Trong đó:

Đối tượng	Quá hạn 1-30 ngày	Quá hạn 31-60 ngày	Quá hạn 61-90 ngày	Quá hạn trên 90 ngày
Công ty TNHH DV-TM Vũ Phong (CNTT)				4.438.383.749
DNTN Đăng Anh	-	-	-	597.444.895
Đối tượng khác	-	-	-	4.434.712.972

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	900.491.951	708.241.951	740.241.951	740.241.951
Thành phẩm	41.354.856	-	-	-
Cộng	941.846.807	708.241.951	740.241.951	740.241.951

5.8 Chi phí trả trước

Nội dung	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn	-	140.045.022
Chi phí sửa chữa nhà Văn phòng CNNG	-	140.045.022
b) Dài hạn	60.196.527.544	51.867.406.583
- Chi phí bóc đất phủ các mỏ đá	38.266.589.872	28.302.762.408
- Chi phí thuê đất	15.174.090.590	16.127.285.894
- Chi phí làm đường và thăm dò trữ lượng	6.304.264.370	6.774.194.851
- Bộ máy nghiền số 4, 5 & làm đường CNTP2	451.582.712	541.899.260
- Xúc đá màu vàng CNTP2	-	121.264.170
Cộng	60.196.527.544	52.007.451.605

5.9 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại 31/12/2017 là 5.922.892.582 đồng (Tại 31/12/2016 là 177.366.667 đồng).

Tài sản cố định hữu hình ngưng khấu hao theo Quyết định số 488/QĐ.CT.UBT ngày 20/02/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi Giấy phép khai thác mỏ đá xây dựng Suối Trầu 1, huyện Long Thành của Công ty. Nguyên giá: 4.367.089.215 đồng, giá trị hao mòn lũy kế: 2.789.244.820 đồng, giá trị còn lại: 1.577.844.395 đồng.

(Xem bảng số liệu chi tiết trang kế tiếp)

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại 01/01/2017	29.631.141.592	40.898.772.433	5.431.332.014	444.599.853	76.405.845.892
Tăng trong năm	3.198.637.258	3.265.173.986	2.197.090.909	-	8.660.902.153
Mua trong năm	2.854.875.085	3.265.173.986	2.197.090.909	-	8.317.139.980
Phân loại lại	343.762.173	-	-	-	343.762.173
Giảm trong năm	-	107.026.000	573.354.000	236.736.173	917.116.173
Thanh lý nhượng bán	-	-	573.354.000	-	573.354.000
Phân loại lại	-	107.026.000	-	236.736.173	343.762.173
Số dư tại 31/12/2017	32.829.778.850	44.056.920.419	7.055.068.923	207.863.680	84.149.631.872
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại 01/01/2017	16.326.309.920	25.493.521.405	3.877.958.279	207.863.680	45.905.653.284
Tăng trong năm	2.660.408.320	2.185.622.313	419.421.217	-	5.265.451.850
Khấu hao trong năm	2.660.408.320	2.185.622.313	419.421.217	-	5.265.451.850
Giảm trong năm	-	-	573.354.000	-	573.354.000
Thanh lý nhượng bán	-	-	573.354.000	-	573.354.000
Số dư tại 31/12/2017	18.986.718.240	27.679.143.718	3.724.025.496	207.863.680	50.597.751.134
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2017	13.304.831.672	15.405.251.028	1.553.373.735	236.736.173	30.500.192.608
Tại ngày 31/12/2017	13.843.060.610	16.377.776.701	3.331.043.427	-	33.551.880.738

5.10 Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chi phí khảo sát mỏ đá Suối Trầu	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2017	99.505.644.070	3.674.332.565	103.179.976.635
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	613.387.311	-	613.387.311
Chuyển xây dựng cơ bản	613.387.311		613.387.311
Số dư tại ngày 31/12/2017	98.892.256.759	3.674.332.565	102.566.589.324

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2017	31.768.567.146	2.230.581.278	33.999.148.424
Tăng trong năm	5.026.344.149	-	5.026.344.149
Khấu hao trong năm	5.026.344.149		5.026.344.149
Giảm trong năm	613.387.311	-	613.387.311
Chuyển xây dựng cơ bản	613.387.311		613.387.311
Số dư tại ngày 31/12/2017	36.181.523.984	2.230.581.278	38.412.105.262

GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2017	67.737.076.924	1.443.751.287	69.180.828.211
Tại ngày 31/12/2017	62.710.732.775	1.443.751.287	64.154.484.062

Tài sản cố định vô hình là chi phí khảo sát mỏ đá Suối Trầu từ năm 1998, ngưng khấu hao theo Quyết định số 488/QĐ.CT.UBT ngày 20/02/2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc thu hồi Giấy phép khai thác mỏ đá xây dựng Suối Trầu 1, huyện Long Thành. Nguyên giá: 3.674.332.565 đồng, giá trị hao mòn lũy kế: 2.230.581.278 đồng, giá trị còn lại: 1.433.751.287 đồng.

5.11 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi xây dựng cơ bản dở dang	26.650.818.012	20.340.988.012
Điểm du lịch và nhà ở Hóa An	5.103.998.944	5.103.998.944
Đầu tư Mỏ đá Núi Gió	409.114.995	409.114.995
Chi phí chuyển nhượng mua đất mỏ Mỏ đá Tân Cang 3	8.950.600.000	1.465.450.000
Quyền sử dụng đất khu phụ trợ Mỏ đá Thạnh Phú 2	1.740.685.107	1.740.685.107
Chi phí Xây dựng Mỏ đá Tân Cang	10.446.418.966	11.621.738.966
Cộng	26.650.818.012	20.340.988.012

5.12 Chứng khoán kinh doanh

Tên chứng khoán	31/12/2017 (VND)			01/01/2017 (VND)				
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
Chứng khoán kinh doanh	796.631	14.794.345.222	2.911.273.515	10.115.260.000	1.765.860	50.530.821.122	519.273.515	-
Công ty CP XNK Khánh Hội (KHA)	9	322.341	-	-	9	322.341	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Tổng hợp (NAC)	120.000	3.252.000.000	2.532.000.000	720.000.000	120.000	3.252.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (SSC)	14	720.000	-	-	14	720.000	-	-
Công ty XD & DV Nhà Quận 8	8	42.881	-	-	8	42.881	-	-
Công ty CP du lịch Phú Yên	214.600	2.146.000.000	379.273.515	-	214.600	2.146.000.000	379.273.515	-
Nhà máy Xi măng Tây Ninh	-	-	-	-	-	33.999.999.900	140.000.000	-
Công ty cổ phần gạch men Thanh Thanh	462.000	9.395.260.000	-	9.395.260.000	-	-	-	-
Công ty CP XD trang trí kiến trúc ADEC	-	-	-	-	1.431.229	11.131.736.000	-	-
Tổng	796.631	14.794.345.222	2.911.273.515	10.115.260.000	1.765.860	50.530.821.122	519.273.515	-

Cổ phiếu của các đơn vị được phân loại qua chứng khoán kinh doanh theo Biên bản họp của Hội đồng quản trị ngày 14 tháng 12 năm 2016 về việc nắm giữ các cổ phiếu này cho mục đích chờ tăng giá để chuyển nhượng.

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.

5.13 Đầu tư tài chính dài hạn khác

Đối tượng đầu tư	31/12/2017 (VND)			01/01/2017 (VND)		
	Tỷ lệ Vốn nắm giữ (%)	Số lượng	Giá hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý (*)
Đầu tư vào Công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định - FICO	28,13%	845.984	-	8.459.840.000	8.459.840.000	8.459.840.000
2. Đầu tư vào đơn vị khác						
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu FOODINCO				510.000.000	510.000.000	510.000.000
Cộng				8.969.840.000	8.969.840.000	8.969.840.000

(*) Tại ngày báo cáo, công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính do không có gia niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.

Đối tượng đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
Đầu tư vào Công ty liên doanh liên kết		
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây dựng Tân Định - FICO	Đường số 2B, Khu Công nghiệp Đồng An, Thuận An, Bình Dương	Gia công cơ khí, sản xuất sản phẩm sen vôi
2. Đầu tư vào đơn vị khác		
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và Xuất nhập khẩu FOODINCO	Đường số 2, Khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng	Bán buôn gạo, đầu tư bất động sản

5.14 Phải trả người bán

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	6.079.846.358	6.079.846.358	5.299.683.738	5.299.683.738
Chi nhánh Công ty TNHH MTV CN Hóa Chất Mỏ Nam Bộ-Micco Tại Đồng Nai	313.175.056	313.175.056	790.303.590	790.303.590
Chi nhánh Công ty TNHH MTV CN Hóa Chất Mỏ Nam Bộ-Micco Tại Bình Dương	289.518.272	289.518.272	322.590.078	322.590.078
Công ty TNHH KT TN Lợi Lộc	3.199.925.556	3.199.925.556	1.629.066.191	1.629.066.191
Các đối tượng khác	2.277.227.474	2.277.227.474	2.557.723.879	2.557.723.879
Cộng	6.079.846.358	6.079.846.358	5.299.683.738	5.299.683.738

5.15 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2017 (VND)	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2017 (VND)
Phải nộp	7.940.227.296	53.225.405.247	55.778.495.975	5.387.136.568
Thuế GTGT	2.184.809.171	12.242.564.662	13.413.869.981	1.013.503.852
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.446.851.569	14.704.525.737	16.490.405.537	660.971.769
Thuế thu nhập cá nhân	273.571.104	1.610.128.006	1.556.739.196	326.959.914
Thuế tài nguyên	1.434.148.288	16.138.316.706	15.962.599.339	1.609.865.655
Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản CN Thường Tân	927.867.237	-	-	927.867.237
Phí bảo vệ môi trường	672.979.927	8.523.870.136	8.348.881.922	847.968.141
Phải thu	13.940.639.485	5.542.701.270	8.305.944.075	16.703.882.290
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	562.006.882	68.966.794	112.979.872	606.019.960
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	13.378.632.603	5.473.734.476	8.192.964.203	16.097.862.330

5.16 Chi phí phải trả

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Ngắn hạn	1.083.235.745	849.834.240
Chi phí hoạt động, bồi dưỡng độc hại	1.083.235.745	849.834.240
Cộng	1.083.235.745	849.834.240

5.17 Các khoản phải trả, phải nộp khác.

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
a) Ngắn hạn	60.737.250	7.601.020.656
Kinh phí công đoàn	60.737.250	45.267.156
Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	7.555.753.500
b) Dài hạn	-	-
Cộng	60.737.250	7.601.020.656

Chi tiết các khoản phải trả, phải nộp khác	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Cổ tức phải trả	-	7.530.606.500
Thuế TNCN không thường xuyên	-	25.147.000
Cộng	-	7.555.753.500

5.18 Dự phòng phải trả dài hạn.

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Dài hạn	3.283.987.436	2.792.215.359
Dự phòng chi phí phục hồi môi trường	3.283.987.436	2.792.215.359
Cộng	3.283.987.436	2.792.215.359

5.19 Vốn chủ sở hữu.

a. Đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng (VND)
Số dư tại 01/01/2016	151.199.460.000	58.398.416.000	(1.298.220.000)	88.795.293.116	28.672.555.092	325.767.504.208
Tăng trong năm	-	-	-	-	49.486.474.666	49.486.474.666
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	49.486.474.666	49.486.474.666
Tăng trong năm	-	-	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-	41.968.850.415	41.968.850.415
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	4.315.817.915	4.315.817.915
Chia cổ tức	-	-	-	-	37.653.032.500	37.653.032.500
Số dư tại 31/12/2016	151.199.460.000	58.398.416.000	(1.298.220.000)	88.795.293.116	36.190.179.343	333.285.128.459
Số dư tại 01/01/2017	151.199.460.000	58.398.416.000	(1.298.220.000)	88.795.293.116	36.190.179.343	333.285.128.459
Tăng trong năm	-	-	-	-	58.730.199.549	58.730.199.549
Lãi kinh doanh trong năm	-	-	-	-	58.730.199.549	58.730.199.549
Giảm trong năm	-	-	-	-	34.232.155.493	34.232.155.493
Thù lao Hội đồng quản trị	-	-	-	-	469.729.493	469.729.493
Thù lao Ban kiểm soát	-	-	-	-	140.000.000	140.000.000
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	-	-	3.500.000.000	3.500.000.000
Chia cổ tức năm 2016 (*)	-	-	-	-	7.530.606.500	7.530.606.500
Tạm ứng cổ tức năm 2017 (*)	-	-	-	-	22.591.819.500	22.591.819.500
Số dư tại 31/12/2017	151.199.460.000	58.398.416.000	(1.298.220.000)	88.795.293.116	60.688.223.399	357.783.172.515

(*) Phân phối lợi nhuận năm 2016 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/NQĐHCD-CtyCPHA ngày 23/04/2017.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông góp vốn	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - CTCP	37.583.430.000	37.583.430.000
Các cổ đông khác	113.616.030.000	113.616.030.000
Cộng	151.199.460.000	151.199.460.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	151.199.460.000	151.199.460.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	151.199.460.000	151.199.460.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	22.591.819.500	30.122.426.000

d. Cổ phiếu

	31/12/2017 Cổ phiếu	01/01/2017 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.119.946	15.119.946
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.119.946	15.119.946
Cổ phiếu phổ thông	15.119.946	15.119.946
Số lượng cổ phiếu được mua lại	58.733	58.733
Cổ phiếu phổ thông	58.733	58.733
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.061.213	15.061.213
Cổ phiếu phổ thông	15.061.213	15.061.213
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000
Cổ phiếu lưu hành bình quân	15.061.213	15.061.213

e. Các quỹ doanh nghiệp

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	88.795.293.116	88.795.293.116
Cộng	88.795.293.116	88.795.293.116

5.20 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ.

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu cung cấp thành phẩm	257.446.347.863	195.139.512.525
Doanh thu cho thuê mặt bằng	174.891.310	284.000.000
Cộng	257.621.239.173	195.423.512.525

5.21 Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ.

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn cung cấp thành phẩm	177.398.235.437	140.552.207.194
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(32.000.000)	(313.615.785)
Cộng	177.366.235.437	140.238.591.409

5.22 Doanh thu hoạt động tài chính.

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi	4.201.913.021	3.995.392.815
Tiền cho vay	223.117.018	268.916.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	144.017.500	2.184.058.300
Lãi chuyển nhượng chứng khoán	5.288.494.100	18.008.000
Cộng	9.857.541.639	6.466.375.115

5.23 Chi phí tài chính.

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	2.392.000.000	140.000.000
Phí lưu ký chứng khoán	285.347	286.128
Cộng	2.392.285.347	140.286.128

5.24 Chi phí bán hàng.

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	308.901.953	209.211.016
Cộng	308.901.953	209.211.016

5.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp.

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	10.080.389.317	7.059.236.436
Chi phí vật liệu quản lý	-	34.977.769
Chi phí khấu hao TSCĐ	671.623.585	446.374.088
Thuế phí và lệ phí	3.320.088	227.476.383
Chi phí dự phòng	(2.320.341.189)	329.639.454
Chi phí dịch vụ mua ngoài	451.911.108	151.342.031
Chi phí bằng tiền khác	5.162.354.431	7.259.991.049
Cộng	14.049.257.340	15.509.037.210

5.26 Lợi nhuận khác.

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	304.545.453	16.025.149.817
Cộng	304.545.453	16.025.149.817
<i>Chi phí khác</i>		
Phạt chậm nộp và phạt vi phạm về thuế	231.920.902	
Các khoản khác	-	92.495.832
Cộng	231.920.902	92.495.832
Thu nhập khác thuần	72.624.551	15.932.653.985

5.27 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
1.1 Lợi nhuận kế toán trước thuế	73.434.725.286	61.725.415.862
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>231.920.902</i>	<i>479.660.753</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>231.920.902</i>	<i>479.660.753</i>
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>144.017.500</i>	<i>2.184.058.300</i>
<i>Cổ tức được chia</i>	<i>144.017.500</i>	<i>2.184.058.300</i>
Thu nhập chịu thuế	73.522.628.688	60.021.018.315
Thuế thu nhập được miễn giảm	-	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Điều chỉnh thuế TNDN truy thu các năm trước	-	234.737.533
Thuế TNDN hiện hành	14.704.525.737	12.238.941.196

5.28 Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	58.730.199.549	49.486.474.666
Các khoản điều chỉnh giảm: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao HĐQT và BKS		(4.109.729.493)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	58.730.199.549	45.376.745.173
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	15.061.213	15.061.213
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.899	3.013

Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2016 được tính toán lại do xác định lại các khoản điều chỉnh được căn cứ vào mức trích quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực tế được thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 06/NQĐHCD-CtyCPHA ngày 23/4/2017. Việc xác định lại nêu trên làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2016 tăng từ 2.652 VND lên 3.012 VND.

Năm 2017, Công ty chưa xác định được mức trích quỹ khen thưởng phúc lợi từ nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2017 nên các khoản điều chỉnh giảm bằng 0 đồng.

5.29 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố.

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	16.302.500.144	20.323.161.762
Chi phí nhân công	15.689.651.443	11.907.405.244
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.291.795.999	10.580.635.940
Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.442.289.208	79.778.962.406
Chi phí khác bằng tiền	36.528.892.583	33.456.980.912
Cộng	171.255.129.377	156.047.146.264

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan.

Giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập từ lương, thưởng và thù lao	2.610.123.493	2.257.518.840

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Khoản mục	Mối quan hệ	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tổng Công ty Vật liệu Xây dựng số 1 - Công ty Cổ phần (Tiền xử lý khoản lỗ tại Xí nghiệp đá Thống Nhất)	Phải thu khác	Cổ đông lớn	-	1.744.000.000
Cộng			-	1.744.000.000

6.2. Nợ tiềm tàng.

Công ty tính thuế tài nguyên theo đơn giá của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước ban hành căn cứ vào các văn bản trước đây. Theo quy định hiện này, giá tính thuế tài nguyên được quy định tại Điều 6 Thông tư 152/2015/TT-BTC ngày 02/10/2015 (có hiệu lực từ ngày 20/11/2015). Định mức sử dụng tài nguyên làm căn cứ quy đổi từ sản phẩm tài nguyên hoặc sản phẩm công nghiệp ra sản lượng tài nguyên khai thác có trong sản phẩm tài nguyên và sản phẩm công nghiệp của Công ty chưa được UBND tỉnh quy định tại Bảng giá tính thuế tài nguyên theo quy định tại khoản 5, điều 6 Thông tư 152/2015/TT-BTC. Do đó, trường hợp UBND tỉnh Đồng Nai và Bình Phước có ban hành đơn giá tính thuế tài nguyên mới thì có khả năng Công ty phải nộp thêm phí tài nguyên cho Nhà nước.

6.3. Công cụ tài chính.**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn chủ sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	74.859.946.181	39.025.232.260
Phải thu khách hàng và phải thu khác	66.549.640.745	36.917.146.830
Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.583.071.707	91.011.547.607
Cộng	166.992.658.633	166.953.926.697
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	6.140.583.608	12.900.704.394
Chi phí phải trả	1.083.235.745	849.834.240
Cộng	7.223.819.353	13.750.538.634

Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính tùy nhiên Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư ... Các khoản đầu tư vào các công ty con được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Tại 31/12/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	6.140.583.608	-	6.140.583.608
Chi phí phải trả	1.083.235.745	-	1.083.235.745
Tổng	7.223.819.353	-	7.223.819.353

Tại 01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	12.900.704.394	-	12.900.704.394
Chi phí phải trả	849.834.240	-	849.834.240
Cộng	13.750.538.634	-	13.750.538.634

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tại 31/12/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	74.859.946.181	-	74.859.946.181
Phải thu khách hàng và phải thu khác	59.786.057.341	6.763.583.404	66.549.640.745
Đầu tư tài chính ngắn hạn	25.583.071.707	-	25.583.071.707
Cộng	160.229.075.229	6.763.583.404	166.992.658.633

Tại 01/01/2017	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.025.232.260	-	39.025.232.260
Phải thu khách hàng và phải thu khác	30.644.980.830	6.272.166.000	36.917.146.830
Đầu tư tài chính ngắn hạn	91.011.547.607	-	91.011.547.607
Cộng	160.681.760.697	6.272.166.000	166.953.926.697

6.4. Thông tin so sánh.

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần.

TP. Biên Hòa, ngày 19 tháng 03 năm 2018.

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc



Đỗ Văn Ngọc



Trần Sỹ Phúc



Trịnh Tiến Bảy

CÔNG TY CỔ PHẦN HÓA AN

ấp Cầu Hang – xã Hóa An – TP. Biên Hòa – tỉnh Đồng Nai

ĐT: 061.3954491 – 061.3954458 Fax 061.3954754

Web: thp://hoaan.com.vn - Email: info@hoaan.com.vn